



HAGL Group



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 30

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 9 năm 2010

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.162.579.866	7.403.555.092
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.192.592.098	1.944.228.950
111	1. Tiền	4	2.192.592.098	1.944.228.950
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	157.571.210
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	157.571.210
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.705.043.913	2.956.113.887
131	1. Phải thu khách hàng	6	1.992.224.916	1.694.730.505
132	2. Trả trước cho người bán	7	1.169.192.419	870.124.080
135	3. Các khoản phải thu khác	8	544.655.601	392.823.227
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.029.023)	(1.563.925)
140	IV. Hàng tồn kho		2.942.587.923	2.213.150.611
141	1. Hàng tồn kho	9	2.943.100.517	2.213.663.205
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(512.594)	(512.594)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		240.572.692	132.490.434
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		57.641.291	32.418.109
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		85.042.696	43.369.234
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		339.393	36.986
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	97.549.312	56.666.105
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.780.337.063	4.792.656.182
220	I. Tài sản cố định		3.854.267.988	2.517.309.488
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	817.724.039	671.688.850
222	Nguyên giá		931.244.905	795.779.397
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(113.520.866)	(124.090.547)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		7.551.819	-
225	Nguyên giá		7.745.455	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(193.636)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	114.363.611	94.463.918
228	Nguyên giá		116.531.253	96.080.465
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.167.642)	(1.616.547)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.914.628.519	1.751.156.720
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		2.717.321.030	2.061.446.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	30.931.029	69.098.898
258	2. Đầu tư dài hạn khác	15	2.686.390.001	1.992.347.102
260	III. Tài sản dài hạn khác		208.748.045	213.900.694
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	142.221.236	141.963.630
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	61.585.199	69.237.539
268	3. Tài sản dài hạn khác		4.941.610	2.699.525
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.942.916.929	12.196.211.274

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2010

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.891.893.803	7.085.142.093
310	I. Nợ ngắn hạn		4.443.688.251	4.311.427.635
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	2.351.199.524	2.991.797.773
312	2. Phải trả cho người bán		599.667.761	197.537.916
313	3. Người mua trả tiền trước	18	24.256.613	44.397.490
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	438.816.858	265.774.014
315	5. Phải trả công nhân viên		20.810.339	17.811.136
316	6. Chi phí phải trả	20	692.905.728	644.983.946
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	265.208.248	132.540.015
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		50.823.180	16.585.345
330	II. Nợ dài hạn		3.448.205.552	2.773.714.458
333	1. Phải trả dài hạn khác	22	24.371.562	23.992.393
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	2.741.853.006	2.248.707.163
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	680.438.367	499.210.181
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.542.617	1.804.721
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.182.183.364	4.694.914.864
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	7.182.183.364	4.694.914.864
411	1. Vốn cổ phần		2.925.206.970	2.704.654.580
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.384.349.746	1.223.971.061
413	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(392.133.835)	(399.237.919)
415	4. Cổ phiếu quỹ		(30.091.699)	(30.091.699)
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		22.395.463	20.463.787
417	6. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	7. Quỹ dự phòng tài chính		183.975.934	82.528.069
420	8. Lợi nhuận chưa phân phối		2.079.858.048	1.084.004.248
500	C. LỢI ÍCH CŨ ĐÔNG THIỂU SỐ		868.839.762	416.154.317
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.942.916.929	12.196.211.274



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2010

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	574.307.591	1.232.219.437	3.082.323.202	3.282.054.836
02	2. Các khoản giảm trừ	25.1	(398.697)	(2.364.289)	(1.503.110)	(4.345.482)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	573.908.894	1.229.855.148	3.080.820.092	3.277.709.354
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(363.584.558)	(631.352.838)	(1.579.889.774)	(1.724.720.557)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.324.336	598.502.310	1.500.930.318	1.552.988.797
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	724.158.239	11.500.520	1.084.130.878	47.059.806
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	27	(48.016.045)	(49.067.182)	(140.839.869)	(160.160.010)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(45.681.265)	(47.386.420)	(134.874.147)	(155.146.614)
24	8. Chi phí bán hàng		(28.905.980)	(42.034.060)	(91.041.758)	(88.266.842)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(43.759.316)	(40.074.299)	(135.834.239)	(116.006.352)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		813.801.234	478.827.289	2.217.345.330	1.235.615.399
31	11. Thu nhập khác	28	33.751.780	3.935.641	60.034.890	36.751.791
32	12. Chi phí khác	28	(31.415.199)	(2.215.680)	(60.325.196)	(20.329.483)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	28	2.336.581	1.719.961	(290.306)	16.422.308

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B02-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Lý kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		816.137.815	480.547.250	2.217.055.024	1.252.037.707
51	15. Thuế TNDN hiện hành	29.1	(179.355.029)	(5.688.454)	(316.393.977)	(6.409.779)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	29.2	(10.312.651)	(132.198.923)	(225.965.985)	(308.806.755)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		626.470.135	342.659.873	1.674.695.062	936.821.173
	Phân bổ cho:					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		38.649.161	22.185.671	182.049.116	79.619.102
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		587.820.974	320.474.202	1.492.645.946	857.202.071
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)		2.013	1.807	5.312	4.842



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2010

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD)			
01	Lợi nhuận trước thuế		2.217.055.024	1.252.037.707
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11, 12, 16	47.135.516	83.434.215
03	Các khoản dự phòng		(534.902)	311.063
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện		(8.944.344)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.065.373.198)	(65.821.348)
06	Chi phí lãi vay	27	134.874.147	155.146.614
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.324.212.243	1.425.108.251
09	Tăng các khoản phải thu		(757.328.318)	(442.601.568)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.343.540)	(127.560.090)
11	Tăng các khoản phải trả		287.587.531	136.918.274
12	Tăng chi phí trả trước		(40.480.788)	(4.990.635)
13	Tiền lãi vay đã trả		(151.233.185)	(142.711.329)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(184.946.066)	(190.446.376)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(69.098.039)	(5.511.622)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD		404.369.838	648.204.905
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.753.762.395)	(421.392.567)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		38.426.408	29.124.481
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.022.761.398)	(481.855.591)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.493.593.598	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		77.957.910	16.293.799
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.166.545.877)	(857.829.878)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu bán cổ phiếu quỹ		-	248.393.276
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		-	(30.091.699)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.521.253.776	2.343.731.369
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.218.706.182)	(2.016.569.246)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	24.1	(292.008.407)	(269.721.752)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.010.539.187	275.741.948

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		248.363.148	66.116.975
60	Tiền đầu kỳ		1.944.228.950	531.085.394
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	2.192.592.098	597.202.369



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010, Công ty có 40 công ty con và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 32 công ty con và 4 công ty liên kết). Hoạt động chính của Tập đoàn, thông qua công ty mẹ và các công ty con, là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác, chế biến và kinh doanh mùn cao su và gỗ cao su; xây dựng; khai khoáng; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) và được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý 3 năm 2010 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010.

2.4 *Đồng tiền hạch toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.5 *Hợp nhất báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được lập cho quý 3 năm 2010. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm chi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ được trình bày trong mục Đầu tư dài hạn khác theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá (do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời .v.v...) nguyên vật liệu, thành phẩm, và các hàng tồn kho khác của Tập đoàn, căn cứ vào chứng cứ giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ các khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, thủy điện, văn phòng cho thuê, trồng cây cao su và trà của Tập đoàn mà các công trình này chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính này.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Tài sản thuê

Việc xác định xem một thỏa thuận là, hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với các công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trả bảo hiểm mất việc làm theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá quy định tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán; các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi vào nguồn vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu căn hộ

Đối với các căn hộ mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tập đoàn có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của các căn hộ bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được áp dụng nhất quán với các năm trước và là một nguyên tắc được chấp nhận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác .v.v...

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

3.20 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Tiền gửi ngân hàng	2.184.562.129	1.938.118.707
Tiền mặt tại quỹ	8.029.969	6.110.243
TỔNG CỘNG	2.192.592.098	1.944.228.950

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Phải thu tiền bán căn hộ và đất đai	1.538.021.318	1.540.626.758
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	301.268.422	139.319.364
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	152.935.176	14.784.383
TỔNG CỘNG	1.992.224.916	1.694.730.505

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trả trước cho nhà thầu	646.591.276	773.468.674
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	344.466.283	68.574.355
Trả trước mua quyền sử dụng đất và bất động sản	139.934.860	28.081.051
Trả trước tiền mua cổ phần	38.200.000	-
TỔNG CỘNG	1.169.192.419	870.124.080

Trả trước cho nhà thầu thể hiện các khoản tạm ứng để xây dựng các dự án bất động sản và thủy điện của Tập đoàn.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	149.121.774	128.000.000
Phải thu nhân viên	176.411.217	74.971.330
Khoản cho vay các công ty	76.519.086	57.385.399
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	55.850.403	61.136.442
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	32.679.236	27.521.566
Các khoản khác	54.073.885	43.808.490
TỔNG CỘNG	544.655.601	392.823.227

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	2.338.898.312	1.806.305.701
Thành phẩm	118.640.953	96.183.765
Hàng hóa	46.047.893	49.131.285
Hàng mua đang đi trên đường	3.112	9.970.486
Sản phẩm dở dang	209.740.694	119.973.449
Trong đó:		
Sẵn xuất	97.496.619	79.589.385
Hợp đồng xây dựng	112.244.075	39.741.107
Dịch vụ cung cấp	-	642.957
Nguyên vật liệu	207.787.432	129.034.391
Vật liệu xây dựng	10.528.140	91.694
Công cụ, dụng cụ	11.453.981	2.972.434
TỔNG CỘNG	<u>2.943.100.517</u>	<u>2.213.663.205</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	97.174.484	47.785.437
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	172.392	8.757.210
Các khoản khác	202.436	123.458
TỔNG CỘNG	<u>97.549.312</u>	<u>56.666.105</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ
Nguyên giá							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	423.631.909	237.314.494	115.010.780	6.652.686	6.635.322	6.534.206	795.779.397
Tăng trong kỳ	35.299.496	128.879.121	64.119.408	6.449.926	63.023	461.870	235.272.844
Giảm trong kỳ	(25.042.026)	(58.820.487)	(15.153.147)	(342.287)	-	(449.389)	(99.807.336)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	433.889.379	307.373.128	163.977.041	12.760.325	6.698.345	6.546.687	931.244.905
Khấu hao lũy kế							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	(36.015.307)	(62.828.217)	(20.317.343)	(2.245.207)	(773.523)	(1.910.950)	(124.090.547)
Tăng trong kỳ	(11.319.556)	(20.489.312)	(12.313.506)	(1.411.000)	(126.192)	(688.461)	(46.348.027)
Giảm trong kỳ	14.742.928	39.010.070	2.420.026	295.295	-	449.389	56.917.708
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	(32.591.935)	(44.307.459)	(30.210.823)	(3.360.912)	(899.715)	(2.150.022)	(113.520.866)
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	387.616.602	174.486.277	94.693.437	4.407.479	5.861.799	4.623.256	671.688.850
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	401.297.444	263.065.669	133.766.218	9.399.413	5.798.630	4.396.665	817.724.039



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	89.237.364	6.843.101	96.080.465
Tăng trong kỳ	21.044.864	227.433	21.272.297
Giảm trong kỳ	(778.751)	(42.758)	(821.509)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	<u>109.503.477</u>	<u>7.027.776</u>	<u>116.531.253</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	(1.352.594)	(263.953)	(1.616.547)
Tăng trong kỳ	(152.103)	(441.750)	(593.853)
Giảm trong kỳ	-	42.758	42.758
Số dư ngày 31 tháng 9 năm 2010	<u>(1.504.697)</u>	<u>(662.945)</u>	<u>(2.167.642)</u>
Giá trị thuần			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>87.884.770</u>	<u>6.579.148</u>	<u>94.463.918</u>
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	<u>107.998.780</u>	<u>6.364.831</u>	<u>114.363.611</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Chi phí trồng cây cao su và trà	1.014.814.343	541.842.682
Nhà máy thủy điện	954.008.060	445.607.334
Văn phòng cho thuê	695.337.058	663.550.389
Nhà xưởng và nông trường	127.073.842	82.011.839
Dây chuyền tuyển quặng	88.655.184	-
Các công trình xây dựng khác	34.740.032	18.144.476
TỔNG CỘNG	<u>2.914.628.519</u>	<u>1.751.156.720</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Mang Yang	Trồng cao su	-	-	40,00	41.705.588
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	15.573.259	39,20	14.431.170
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.475.610	25,00	7.457.531
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	25,00	7.882.160	25,00	5.504.609
TỔNG CỘNG			30.931.029		69.098.898

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	2.284.207.125	1.217.848.242
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh	103.949.395	492.991.756
Cho vay Chính phủ Lào	275.064.546	266.120.201
Đầu tư vào cổ phiếu phổ thông	23.168.935	15.386.903
TỔNG CỘNG	<u>2.686.390.001</u>	<u>1.992.347.102</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	9 tháng đầu năm 2010	9 tháng đầu năm 2009
Số đầu kỳ	141.963.630	331.880.376
Tăng trong kỳ	66.006.166	75.771.994
Giảm do thanh lý hợp đồng	(115.551)	(198.133.393)
Phân bổ và kết chuyển trong kỳ	(60.180.558)	(50.578.682)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	(5.452.451)	-
Số cuối kỳ	<u>142.221.236</u>	<u>158.940.295</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.450.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1.251.199.524	842.197.137
Vay các tổ chức và cá nhân khác	-	57.000
	<u>1.251.199.524</u>	<u>842.254.137</u>
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	138.085.093	699.543.636
TỔNG CỘNG	<u>2.351.199.524</u>	<u>2.991.797.773</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Khách hàng thương mại trả tiền trước	21.428.494	42.900.982
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	2.828.119	1.496.508
TỔNG CỘNG	<u>24.256.613</u>	<u>44.397.490</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	325.862.016	133.031.368
Thuế giá trị gia tăng	107.608.890	130.553.105
Thuế thu nhập cá nhân	2.376.565	943.412
Các khoản phải nộp khác	2.969.387	1.246.129
TỔNG CỘNG	<u>438.816.858</u>	<u>265.774.014</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Chi phí để xây dựng hoàn thành các căn hộ đã bán	619.804.954	548.643.141
Chi phí lãi vay	19.144.506	35.503.544
Chi phí bảo hành căn hộ	24.090.572	28.994.252
Tiền phạt do bàn giao căn hộ trễ tiến độ	18.578.621	18.982.400
Các khoản khác	11.287.075	12.860.609
TỔNG CỘNG	<u>692.905.728</u>	<u>644.983.946</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Phải trả các công ty khác	113.884.966	53.188.942
Phải trả tiền mua cổ phần	39.533.029	-
Phải trả nhân viên	35.161.549	23.441.156
Phải trả tiền mua đất	18.259.456	18.259.456
Tiền phạt do bàn giao căn hộ trễ tiến độ	6.652.537	7.649.096
Các khoản khác	51.716.711	30.001.365
TỔNG CỘNG	<u>265.208.248</u>	<u>132.540.015</u>

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát thải "CER"	19.757.878	19.757.878
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	4.613.684	4.234.515
TỔNG CỘNG	<u>24.371.562</u>	<u>23.992.393</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trái phiếu thường	900.000.000	1.450.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	1.973.292.499	1.498.250.799
Nợ thuê tài chính	6.645.600	-
TỔNG CỘNG	<u>2.879.938.099</u>	<u>2.948.250.799</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)</i>	<i>138.085.093</i>	<i>699.543.636</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>2.741.853.006</i>	<i>2.248.707.163</i>



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.704.654.580	1.223.971.061	(399.237.919)	(30.091.699)	20.463.787	8.622.737	82.528.069	1.084.004.248	4.694.914.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.492.645.946	1.492.645.946
Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	220.552.390	1.214.447.610	-	-	-	-	-	-	1.435.000.000
Trình bày lại khoản cổ tức được chia từ lợi nhuận trước ngày mua cổ phần của Công ty CP XD & PT nhà Hoàng Anh	-	(54.068.925)	-	-	-	-	-	-	(54.068.925)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	101.447.865	(101.447.865)	-
Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(96.432.617)	(96.432.617)
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phụ trội hợp nhất	-	-	7.104.084	-	-	-	-	-	7.104.084
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	1.931.676	-	-	-	1.931.676
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(292.008.407)	(292.008.407)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(6.903.257)	(6.903.257)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	2.925.206.970	2.384.349.746	(392.133.835)	(30.091.699)	22.395.463	8.622.737	183.975.934	2.079.858.048	7.182.183.364

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	292.520.697	270.465.458
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	292.520.697	270.465.458
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>292.520.697</i>	<i>270.465.458</i>
Cổ phiếu quỹ	512.290	512.290
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>512.290</i>	<i>512.290</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	292.008.407	269.953.168
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>292.008.407</i>	<i>269.953.168</i>

3907
CÔNG
CỔ
HOÀ
C
PLE

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ			
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Quý 3	Năm nay	Năm nay	Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	574.307.591	1.232.219.437	3.082.323.202	3.282.054.836
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu căn hộ	265.260.593	985.338.714	1.793.230.561	2.572.117.035
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	129.459.756	125.066.796	804.432.861	302.013.353
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	141.433.243	79.946.165	342.934.308	298.903.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.153.999	41.867.762	141.725.472	109.020.502
Trừ:				
Hàng bán trả lại	(398.697)	(2.364.289)	(1.503.110)	(4.345.482)
Giảm giá hàng bán	(279.665)	(2.364.289)	(1.188.864)	(4.293.868)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(43.598)	-	(55.485)	(51.614)
	(75.434)	-	(258.761)	-
Doanh thu thuần	573.908.894	1.229.855.148	3.080.820.092	3.277.709.354
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu căn hộ	265.260.593	985.338.714	1.793.230.561	2.572.117.035
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	129.180.091	123.516.514	803.233.106	298.481.878
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	141.433.243	79.946.165	342.934.308	298.903.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.034.967	41.053.755	141.422.117	108.206.495

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

25. DOANH THU (tiếp theo)	Quý 3			Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
25.2 Doanh thu hoạt động tài chính					
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	690.734.500	-	987.825.128	-	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	31.512.820	8.833.001	77.207.909	21.257.919	21.257.919
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.720.111	2.716.899	12.836.998	10.559.344	10.559.344
Phần sở hữu lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết	23.681	(456.166)	4.832.131	6.589.910	6.589.910
Các khoản khác	167.127	406.786	1.428.712	8.652.633	8.652.633
TỔNG CỘNG	724.158.239	11.500.520	1.084.130.878	47.059.806	47.059.806

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Quý 3			Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
Giá vốn căn hộ	171.548.999	486.959.080	902.088.293	1.290.799.822	1.290.799.822
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	94.747.344	72.033.703	450.907.373	209.001.028	209.001.028
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	67.581.071	40.095.859	147.538.072	154.219.596	154.219.596
Giá vốn dịch vụ cung cấp	29.707.144	32.264.196	79.356.036	70.700.111	70.700.111
TỔNG CỘNG	363.584.558	631.352.838	1.579.889.774	1.724.720.557	1.724.720.557



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3			Ngàn VNĐ		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	45.681.265	47.386.420	134.874.147	155.146.614		
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.334.757	1.679.531	5.937.995	5.010.646		
Các khoản khác	23	1.231	27.727	2.750		
TỔNG CỘNG	48.016.045	49.067.182	140.839.869	160.160.010		

28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3			Ngàn VNĐ		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	Năm trước
Thu nhập khác	33.751.780	3.935.641	60.034.890	36.751.791		
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22.278.049	490.973	38.426.408	29.126.838		
Thu bán phế liệu	4.110.966	1.500.125	4.119.993	1.500.125		
Các khoản khác	7.362.765	1.944.543	17.488.489	6.124.828		
Chi phí khác	(31.415.199)	(2.215.680)	(60.325.196)	(20.329.483)		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(25.390.886)	(994.196)	(43.668.379)	(19.107.999)		
Các khoản khác	(6.024.313)	(1.221.484)	(16.656.817)	(1.221.484)		
Lãi/(lỗ) thuần	2.336.581	1.719.961	(290.306)	16.422.308		

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành và còn hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>9 tháng đầu năm 2010</i>	<i>Ngàn VNĐ 9 tháng đầu năm 2009</i>
Thuế TNDN hiện hành	316.393.977	6.409.779
Thuế TNDN hoãn lại	225.965.985	308.806.755
TỔNG CỘNG	<u>542.359.962</u>	<u>315.216.534</u>



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	<i>9 tháng đầu năm 2010</i>	<i>Ngàn VND 9 tháng đầu năm 2009</i>
Lợi nhuận trước thuế	2.217.055.024	1.252.037.707
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
Điều chỉnh tăng		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	1.497.800	68.538.629
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong kỳ nhưng chưa chịu thuế	875.707.134	1.394.449.736
Chi phí đất phân bổ trên báo cáo hợp nhất	47.218.306	49.022.504
Chi phí trích trước	16.039.954	44.137.581
Các khoản lỗ của các công ty con	142.242.416	52.613.504
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	1.477.165	627.907
Điều chỉnh giảm		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm nhưng chưa chịu thuế kỳ này	(1.783.703.258)	(2.726.738.372)
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	(6.711.452)	(66.701.886)
Lợi nhuận nội bộ chịu thuế đã kê khai nộp thuế năm trước	(10.254.771)	(89.501.405)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	(4.832.131)	(6.589.910)
Lỗ do bán cổ phiếu quỹ	-	(79.586.695)
Chi phí trích trước năm trước đã trả kỳ này	(89.084.003)	-
Các thu nhập khác	(2.750.294)	1.115.094
Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	1.403.901.890	(106.575.606)
Lỗ tính thuế mang sang từ các năm trước	(6.118.030)	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	1.397.783.860	(106.575.606)
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	349.445.966	815.051
Trích thiếu thuế TNDN năm trước	1.865.876	5.594.728
Giảm 30% thuế TNDN (*)	(34.917.865)	-
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	316.393.977	6.409.779

(*) Đây là khoản thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài Chính.



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý 3 năm 2010

B09-DN/HN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con	55.011.517	19.450.913	(35.560.604)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	2.563.693	3.910.600	1.346.907
Chi phí trích trước	4.009.989	45.876.026	41.866.037
	61.585.199	69.237.539	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61.439.435	61.439.435	-
Lợi nhuận từ doanh thu căn hộ ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành chưa phải nộp thuế	728.386.391	510.072.745	218.313.645
	789.825.826	571.512.180	
Thuế TNDN ứng trước phải trả từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng	(109.387.459)	(72.301.999)	
	680.438.367	499.210.181	
Thuế thu nhập hoãn lại thuần ghi nợ trong kết quả hoạt động kinh doanh			225.965.985

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2010